TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DS-PT
Ngày: 26-03-2018
V/v Tranh chấp tài sản bị cưỡng chế để thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.
Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường;
2. Ông Trương Công Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Duyên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2017/TLPT-DS ngày 22/12/2017 về việc: "*Tranh chấp tài sản bị cưỡng chế để thi hành án"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2017/DS-ST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2018/QĐ-PT ngày 09/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐ-PT ngày 09/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1955; địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn I, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Hồng L; địa chỉ: Đường Nguyễn Thái B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3.2. Chi cục thi hành án dân sự thành phố B; địa chỉ: Đường Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Bà Đỗ Thị Thanh V; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Thanh V: Ông Bùi Văn I (là bị đơn trong vụ án).

3.4. Bà Bùi Thị U và ông Bùi Anh Q; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (đều vắng mặt)

3.5. Bà Bùi Thị S; địa chỉ: Số O, đường số XX, phường T, quận XX, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị U, ông Bùi Anh Q, bà Bùi Thị S: Bà Bùi Thị X (là nguyên đơn trong vụ án)

3.6. Ông Bùi Minh D, bà Bùi Thị Phương TR, bà Bùi Thị Mai K; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (đều vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Minh D, bà Bùi Thị Phương TR, bà Bùi Thị Mai K: Ông Bùi Văn I (là bị đơn trong vụ án).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Buôn N, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4.2. Bà Uông Thị A; địa chỉ: Đường Nguyễn Thái B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Đức L1; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị X là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị X trình bày:*

Thửa đất số 105B, tờ bản đồ số 06 thuộc Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Sau đây viết tắt là: Thửa đất số 105B) có nguồn gốc do bà mua của ông Bùi Văn TH vào khoảng đầu năm 1995, đến năm 1996 bà có xây dựng trên phần đất này một căn nhà cấp 4 và để cho vợ chồng em gái út của bà là bà Bùi Thị U và ông Bùi Anh Q sử dụng. Khi mua đất của ông TH bà chưa làm giấy tờ gì thì ông TH chết, đầu năm 1997 ông Bùi Thanh H là con của ông Bùi Văn TH được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCNQSD đất) trong đó bao gồm cả phần đất đã bán cho bà. Năm 2005, bà có làm thủ tục tách thửa và xin cấp GCNQSD đất cho phần đất này, tại thời điểm cấp GCNQSD đất do bà không có hộ khẩu tại xã H và ở xa không tiện đi lại nên bà có nhờ ông Bùi Văn I là em trai của bà có đứng tên xin cấp GCNQSD đất, vì vậy thửa đất 105B được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AC 369831 cho hộ Bùi Văn I ngày 21/6/2005, nhưng thực ra đây là tài sản của bà, ông I chỉ là người đứng tên hộ.

Năm 2010, bà tiếp tục xây dựng trên thửa đất số 105B một căn nhà 03 tầng và tiếp tục để cho vợ chồng em gái út của bà là bà Bùi Thị U và ông Bùi Anh Q ở cho đến nay.

Việc Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B ra Quyết định cưỡng chế, kê biên toàn bộ thửa đất số 105B và tài sản trên đất để thi hành khoản nợ của ông Bùi Văn I với bà Phạm Thị Hồng L là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông I phải trả lại thửa đất 105B và toàn bộ tài sản trên đất cho bà.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Bùi Văn I trình bày:*

Ông I thừa nhận phần nhà đất thuộc thửa đất số 105B là tài sản của chị ông (bà Bùi Thị X) mua của ông Bùi Văn TH từ năm 1995. Năm 2005 thì được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AC 369831 ngày 21/6/2005, tại thời điểm cấp GCNQSD đất thì bà X không có hộ khẩu tại xã H nên đã bà X đã nhờ ông đứng hộ tên trong GCNQSD đất, vì vậy ông đã kê khai xin cấp GCNQSD đất và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AC 369831 mang tên hộ Bùi Văn I. Toàn bộ tài sản trên đất là do chị ông là bà Bùi Thị X tạo lập, ông không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản này. Mặc dù, ông là người đứng tên trên GCNQSD đất nhưng từ trước đến nay ông không quản lý, sử dụng mà tài sản này do vợ chồng em gái ông là bà Bùi Thị U, ông Bùi Anh Q quản lý, sử dụng.

Nay bà Bùi Thị X khởi kiện, yêu cầu ông phải trả lại phần tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 105B nêu trên thì ông hoàn toàn đồng ý và không có tranh chấp gì đối với chị ông là bà Bùi Thị X.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Bà Đỗ Thị Thanh V trình bày:* Bà V thừa nhận tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 105B được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AC 369831 cho hộ ông Bùi Văn I ngày 21/6/2005 là thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị X, chồng bà là ông Bùi Văn I chỉ đứng tên hộ, do tại thời điểm làm GCNQSD đất chị X không có hộ khẩu tại xã H. Hiện nay, bà và ông Bùi Văn I đã ly hôn, bà thừa nhận tài sản nêu trên là của bà Bùi Thị X, bản thân bà không có công sức đóng góp gì đối với tài sản nêu trên.

- *Bà Bùi Thị U, ông Bùi Anh Q trình bày*: Thừa nhận tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 105B của bà X, vợ chồng ông bà chỉ ở nhờ tại phần nhà đất này và hoàn toàn không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập khối tài sản này.

- *Bà Bùi Thị Mai K, bà Bùi Thị Phương TR, ông Bùi Minh D*: Thống nhất với ý kiến của ông Bùi Văn I và từ chối tham gia tố tụng.

- *Bà Phạm Thị Hồng L:* Theo Bản án số 24/2010/DSST ngày 21/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên xử buộc ông Bùi Văn I phải

có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 283.081.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Do ông I không tự nguyện thi hành nên cơ quan thi hành án đã xác minh và đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản của ông I là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liến với đất đối với thửa đất số 105B, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi cơ quan thi hành án tiến hành kê biên tài sản, bà Bùi Thị X liên tục có đơn khởi kiện ông Bùi Văn I để tranh chấp tài sản này, trong quá trình Tòa án giải quyết, bà Bùi Thị X không hợp tác, gây khó khăn cho công tác thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà không đồng ý với việc bà Bùi Thị X khởi kiện ông Bùi Văn I, cũng như không đồng ý với việc ông Bùi Văn I, bà Đỗ Thị Thanh V, bà Bùi Thị U, ông Bùi Anh Q thừa nhận tài sản nêu trên là tài sản của bà Bùi Thị X. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng thì người làm chứng trình bày như sau:*

- *Ông Nguyễn Đức L1 trình bày*: Cuối năm 1996, ông có xây cho Ý Đ (tức là bà Bùi Thị X) là em ruột của vợ ông một căn nhà cấp 4 tại thôn X, xã H, thành phố B, bà X là người đã thanh toán tiền công xây dựng cho ông.

- *Ông Phạm Văn T trình bày*: Ông là thợ cơ khí, tháng 01/2010 ông có nhận làm cửa, tháng 08/2010 ông có làm lan can và cầu thang, tháng 06/2013 ông có làm mái che cho bà Bùi Thị X tại căn nhà ở thôn X, xã H, thành phố B.

- *Bà Uông Thị A trình bày*: Bà là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng A, năm 2010 bà có giao vật liệu xây dựng phần thô cho bà Bùi Thị U xây nhà tại thôn X, xã H, thành phố B. Số tiền vật liệu này được bà Bùi Thị S chuyển trả cho bà tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh H.

Tại bản án dân sự số 118/2017/DS-ST, ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 195; Điều 243 và Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 75 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 10 Luật đất đai 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị X. Buộc ông Bùi Văn I phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Bùi Thị X giá trị phần tài sản là phần nhà xây cấp ba xây dựng trên thửa đất số 105B, tờ bản đồ số 06 tại thôn 03, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có tổng diện tích xây dựng là 184,68m^2, phần sân

có diện tích 54,355m^2 và phần tường rào dài 12,8m có tổng giá trị là 804.534.985 đồng.

Ông Bùi Văn I được quyền quản lý, sử dụng đối với phần tài sản này và có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của thửa đất số 105B, tờ bản đồ số 06, diện tích 192m^2 thuộc Thôn X, xã H, thành phố B (đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AG369831 ngày 21/6/2005 cho hộ Bùi Văn I) và một phần căn nhà xây cấp 4 xây dựng trên đất có diện tích xây dựng còn lại hiện nay là 55,2 m^2 thuộc quyền sở hữu của bà X

- Về án phí: Bà Bùi Thị X phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/27439 ngày 16/10/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ông Bùi Văn I phải chịu 36.136.049 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về các chi phí khác: Bà Bùi Thị X phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Đã nộp và chi phí xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2017, nguyên đơn bà Bùi Thị X có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DSST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105B theo GCNQSD đất số AC 369831 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ ông Bùi Văn I ngày 21/6/2005 là tài sản của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 105B giữa ông H và ông I được lập theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ông I là người đứng tên trong GCNQSD đất số AC 369831 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/6/2005. Việc bà Bùi Thị X cho rằng bà là người mua lô đất này và nhờ ông I em trai bà đứng tên hộ, nhưng không có văn bản nào có giá trị pháp lý để chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều

308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà X và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ngày 28/11/1995 hộ ông Bùi Văn TH được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số D 0468656 đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 590 m^2 tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 18/11/1996 ông TH chết, thì các đồng thừa kế của ông TH đã thống nhất để tài sản là diện tích đất nói trên cho ông Bùi Thanh H, ông H đã làm thủ tục thừa kế và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số H085378 ngày 26/3/1997. Sau đó ông H, bà Hà Thị P (vợ ông H) đã chuyển nhượng một phần lô đất có diện tích 192m^2 cho người nhận chuyển nhượng là ông Bùi Văn I (phần diện tích đất mà hai bên chuyển nhượng là nằm trong tổng diện tích thửa đất ông H được thừa kế). Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý, thì ngày 21/6/2005 hộ ông Bùi Văn I được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp GCNQSD đất số AC 369831, thửa đất số 105B.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị X (chị gái ông I) cho rằng bà mới chính là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 105B từ ông Bùi Văn TH vào năm 1996, nhưng do thời điểm làm thủ tục tách thửa và đề nghị cấp GCNQSD đất, bà không có hộ khẩu tại địa phương nên bà đã nhờ ông Bùi Văn I là em trai bà đứng tên hộ. Tuy nhiên, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà X không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh cho việc ông Bùi Văn TH chuyển nhượng lô đất nói trên cho bà X, đồng thời tại Giấy xác nhận của ông Bùi Thanh H là người thừa kế lô đất cũng xác nhận việc ông H chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Văn I. Ngoài ra, sau khi ông Bùi Văn I được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào ngày 14/07/2005 ông I, bà V (vợ ông I) đã dùng quyền sử dụng đất này để thế chấp vay vốn ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ của Chi nhánh Ngân hàng N Đắk Lắk, việc ông I thế chấp tài sản trên thì bà X cũng biết nhưng không có ý kiến gì phản đối. Như vậy, bà X cho rằng bà mới là người có quyền sử dụng lô đất, còn ông I chỉ là người đứng hộ tên trong GCNQSD đất là không có căn cứ pháp lý, mặt khác hiện nay ông TH và ông H đã chết, hợp đồng

đồng chuyển nhượng cũng như GCNQSD đất chỉ thể hiện hộ ông I, còn bà X không trực tiếp quản lý, sử dụng đối với lô đất này, kể từ ngày ông H chuyển nhượng cho ông I. Cho đến khi có Quyết định kê biên tài sản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đối với thửa đất số 105B để thi hành bản án số 24/2010/DSST ngày 21/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố B, mà ông I là người phải thi hành nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị Hồng L thì lúc này bà X mới kiện để đòi tài sản.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đòi lại tài sản là thửa đất số 105B nêu trên của bà Bùi Thị X là không có cơ sở, mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết ông I với bà X có thỏa thuận trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số 105B cho bà X. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà L là người đang được thi hành án và ông I là người phải thi hành án. Do vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên cần chấp nhận và không chấp nhận kháng cáo của bà X mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Bùi Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 10 Luật đất đai 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị X về yêu cầu hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DSST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105B, tờ bản đồ số 06 thuộc Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk 105B theo GCNQSD đất số AC 369831 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ ông Bùi Văn I ngày 21/6/2005 là thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị X.

- Giữ nguyên bản án dân sự số 118/2017/DS-ST, ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà X đã nộp theo biên lai thu số 0000657, ngày 17/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh